

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 14 - 4 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Bà Kim Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Phố M, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo giấy ủy quyền ngày 01/12/2022), (có mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quang V, sinh năm 1985 – Luật sư Văn phòng luật sư V; địa chỉ: Số nhà 261, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990 (có mặt).

* Người đại diện theo ủy quyền của anh H2: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990 (theo giấy ủy quyền ngày 22/02/2023) (có mặt).

Đều địa chỉ: Xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/3/2022 ông Nguyễn Văn T, bà Kim Thị H cho anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Hải Y vay số tiền là 1.500.000.000đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để trả nợ Ngân hàng. Khi vay, hai bên có viết giấy vay mượn tiền, thời hạn vay là 03 ngày, kể từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022; lãi suất không ghi trong giấy, tuy nhiên hai bên thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Trong ngày 23/3/2022 ông T đã thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản số 100868906866 mang tên Nguyễn Văn T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam vào tài khoản số 2807266788999 mang tên Nguyễn Văn H2 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam qua 05 lần giao dịch chuyển tiền với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng.

Quá thời hạn vay, ông T và bà H đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu anh H2, chị Y trả nợ nhưng đến ngày 19/4/2022 anh H2, chị Y mới trả được cho ông T, bà H 200.000.000đồng tiền gốc và 20.000.000đồng tiền lãi.

Nay ông T, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Hải Y phải trả cho ông bà số tiền gốc còn nợ là 1.300.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/3/2022 đến ngày 19/4/2022 là 28 ngày bằng 21.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/4/2022 đến ngày xét xử 14/4/2023 là 360 ngày bằng 234.000.000đồng; tổng tiền lãi là 255.000.000đồng; tuy nhiên anh chị H2 Y đã trả được 20.000.000đồng tiền lãi, nên tổng số tiền lãi còn lại là 235.000.000đồng. Tổng số tiền gốc và lãi anh H2, chị Y phải trả cho ông T, bà H tính đến ngày xét xử 14/4/2023 là 1.535.000.000đồng, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hải Y, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Ngày 23/3/2022 chị và chồng là anh Nguyễn Văn H2 có vay của ông Nguyễn Văn T và bà Kim Thị H số tiền là 1.500.000.000đồng, thời hạn vay là 03 ngày, kể từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền. Quá trình vay, ngày 19/4/2022 vợ chồng chị đã trả được ông T, bà H 200.000.000đồng tiền gốc và 20.000.000đồng tiền lãi. Nay ông T, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả ông bà số tiền gốc là 1.300.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/3/2022 đến ngày xét xử 14/4/2023 là 235.000.000đồng (trong đó đã trừ 20.000.000đồng tiền lãi), tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 14/4/2023 là 1.535.000.000đồng. Quan điểm của chị đồng ý với số tiền gốc và lãi như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên

do kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị xin được trả nợ dần số tiền trên cho ông T, bà H.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất chốt số nợ tính đến ngày 14/4/2023 là 1.535.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 1.300.000.000đồng, tiền lãi kể từ ngày vay 23/3/2022 đến ngày 14/4/2023 là 235.000.000đồng. Tuy nhiên hai bên không thống nhất được thời gian trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Kim Thị H, buộc anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Hải Y phải có trách nhiệm trả cho ông T, bà H tổng số tiền là 1.535.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 1.300.000.000đồng, tiền lãi là 235.000.000đồng. Về án phí anh H2, chị Y phải chịu theo quy định của pháp luật; ông T, bà H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi theo giấy vay mượn tiền ngày 23/3/2022, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Kim Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Hải Y phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.535.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 1.300.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/3/2022 đến ngày xét xử 14/4/2023 là 235.000.000đồng (đã trừ 20.000.000đồng tiền lãi). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn xác nhận số tiền gốc còn lại và tiền lãi như nguyên đơn yêu cầu là đúng và đồng ý trả toàn bộ số nợ trên, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả nợ dần; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả nợ dần và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 23/3/2022 các bên thỏa thuận số tiền vay là 1.500.000.000đồng, thời hạn vay là 03 ngày, kể từ ngày 23/3/2022 đến

ngày 25/3/2022. Xét thấy, việc các bên thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và đúng các quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình vay nợ, ngày 19/4/2022 bị đơn mới trả được cho nguyên đơn 200.000.000đồng tiền gốc là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 1.300.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với lãi suất vay, các bên không ghi trong giấy vay tiền; tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đều thống nhất số tiền lãi theo thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày 23/3/2022 đến ngày 19/4/2022 là: $1.500.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 28 \text{ ngày} = 21.000.000đ$; tiền lãi tính từ ngày 20/4/2022 đến ngày xét xử 14/4/2023 là: $1.300.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 360 \text{ ngày} = 234.000.000đ$. Tổng số tiền lãi là 255.000.000đồng. Quá trình vay nợ, ngày 19/4/2022 bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 20.000.000đồng tiền lãi, nên số tiền lãi còn lại là 235.000.000đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất, thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay”*. Vì vậy, mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi 235.000.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là: $(36.000.000đ + (735.000.000đ \times 3\%)) = 58.050.000đ$. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Kim Thị H đối với anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Hải Y. Buộc anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Thị Hải Y phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Kim Thị H tổng số tiền là 1.535.000.000đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng), trong đó tiền gốc là 1.300.000.000đồng, tiền lãi là 235.000.000đồng.

Kể từ ngày 15/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 58.050.000đồng (Năm mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Kim Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.490.000đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003190 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh